

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 15/5/2023

V/v “Ly hôn giữa ông V với
bà P”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Trúc Giang

2. Bà Nguyễn Thị Loan Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa Hạ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Âm - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 101/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXX-ST ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Mai Trương Hoàng V, sinh năm: 1969;

Địa chỉ: Số D, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Lý Thị Kim P, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: Số D, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Ông V và bà P có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2023, Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Mai Trương Hoàng V trình bày:

Ông và bà P kết hôn vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre vào ngày 20/02/1998 do tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, bà P không cho ông biết bà P chi xài tiền vào mục đích gì dẫn đến làm ăn thua lỗ, bà P còn mua vàng giả để trao với 08 chỉ vàng thật của mẹ ông, hiện bà P đã trả lại được 07 chỉ cho mẹ ông. Ông và bà P còn sống chung nhà nhưng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau, mạnh ai nấy lo cho công việc của mình. Nay tình cảm giữa ông và bà P không còn nên ông xin ly hôn với bà P.

Về con chung: có 02 con chung tên Mai Hồng N sinh ngày 26/5/2000 và Mai Hồng Phát sinh ngày 10/8/2010. Con chung tên Mai Hồng N đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn ông yêu cầu nuôi con chung tên Mai Hồng P và không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con. Ông hiện làm nghề chạy xe, thu nhập mỗi tháng khoảng 5.000.000đồng, đủ điều kiện lo cho con. Cháu Phát đang học ở trường H tại xã P nên nếu ông nuôi con sẽ thuận tiện cho cháu đi học hơn. Ngoài ra ông đang ở chung với mẹ ruột nên khi ông vắng nhà cũng có người chăm sóc cháu. Trường hợp Tòa án giải quyết cho bà P nuôi con, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng.

Về tài sản chung: trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết ông V trình bày ông và bà P không có tài sản chung. Tại phiên tòa, ông xác định vào khoảng năm 2005 ông và bà P có xây căn nhà cho thuê, hiện căn nhà trên đất không còn. Nếu bà P có tranh chấp ông đồng ý trả lại bà P số tiền 30.000.000đồng.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Lý Thị Kim P trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông V về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Vào khoảng năm 2018 bà phát hiện có người phụ nữ khác nhấn tin thân mật với ông V nên vợ chồng gây cãi. Vợ chồng bà không có mâu thuẫn gì về vấn đề tiền bạc, bà và ông V việc ai nấy làm, không ai hỏi tới việc làm ăn của người kia. Vào khoảng năm 2022, do bà cần tiền gấp mà mẹ chồng bà không có nhà nên bà có mượn đỡ 08 chỉ vàng và mua vàng giả thế vào, hiện bà đã trả lại cho mẹ chồng được 07 chỉ vàng. Bà và ông V ly thân từ năm 2018 đến nay không phải năm 2020 đến nay như ông V trình bày. Bà hiện vẫn còn thương ông V và con bà hiện còn nhỏ nên bà không đồng ý ly hôn với ông V.

Về con chung: bà và ông V có 02 con chung tên Mai Hồng N sinh ngày 26/5/2000 và Mai Hồng P sinh ngày 10/8/2010. Cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn bà yêu cầu được nuôi cháu Mai Hồng P và yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng. Bà làm nghề buôn bán, thu nhập mỗi tháng 5.000.000đồng đủ điều kiện lo cho con. Nếu ly hôn, bà sẽ về nhà cha mẹ ở xã Bình Phú sinh sống, tuy cha mẹ của bà đã chết nhưng vẫn có anh chị em ở gần phụ bà chăm sóc cháu. Trường hợp Tòa án giao con chung cho ông V nuôi bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng

Về tài sản chung: quá trình hòa giải tại Tòa án, bà P trình bày bà và ông V không có tài sản chung. Tại phiên tòa, bà P cho rằng bà và ông V có tài sản chung là căn nhà được cất trên phần đất của mẹ chồng bà tại số 148D, ấp An Thuận A, xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre. Bà yêu cầu chia tài sản chung và không đồng ý với số tiền 30.000.000đồng ông V đưa ra.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre có ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định.

Về nội dung: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Trương Hoàng V

- Về hôn nhân: ông Mai Trương Hoàng V được ly hôn với bà Lý Thị Kim P

- Về con chung: sau khi ly hôn, ông V được nuôi dưỡng con chung tên Mai Hồng P sinh ngày 10/8/2010, ghi nhận sự tự nguyện của bà P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung: không xem xét giải quyết, bà P có quyền yêu cầu chia tài sản chung bằng một vụ án khác

- Án phí theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Mai Trương Hoàng V khởi kiện bị đơn bà Lý Thị Kim P, quan hệ tranh chấp giữa ông Mai Trương Hoàng V và bà Lý Thị Kim P là tranh chấp về ly hôn; hiện nay, bà P đang cư trú tại xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Ông V và bà P tự nguyện kết hôn vào năm 1998, có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/02/1998 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo ông V, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, bà P không cho ông biết bà P chi xài tiền vào mục đích gì dẫn đến làm ăn thua lỗ. Ông và bà P đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay tình cảm giữa ông và bà P không còn nên ông xin ly hôn với bà P. Bà P cho rằng vào khoảng năm 2018 bà phát hiện có người phụ nữ khác nhắn tin thân mật với ông V nên vợ chồng gây cãi. Vợ chồng bà không có mâu thuẫn gì về vấn đề tiền bạc, bà và ông V việc ai nấy làm, không ai hỏi tới việc làm ăn của người kia. Bà và ông V đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Do vẫn còn thương ông V và con chung vẫn còn nhỏ nên bà không đồng ý ly hôn với ông V. Xét thấy, tuy ông V bà P không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng nhưng thực tế mâu thuẫn giữa ông bà có xảy ra. Ông bà đã ly thân với nhau thời gian đủ dài để nhìn nhận, tìm ra nguyên nhân mâu thuẫn và cùng khắc phục để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông bà vẫn không hàn gắn được. Ông bà việc ai nấy làm, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông V.

[3] Về con chung: ông V và bà P có 02 con chung tên Mai Hồng N sinh ngày 26/5/2000 và Mai Hồng P sinh ngày 10/8/2010. Con chung tên Mai Hồng N sinh ngày 26/5/2000 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông V và bà P cùng

có yêu cầu được nuôi Mai Hồng P sinh ngày 10/8/2010. Tại Biên bản hỏi ý kiến con trong vụ án hôn nhân gia đình ngày 14/4/2023, cháu Phát có nguyện vọng được sống chung với cả cha và mẹ, cháu không lựa chọn giữa cha và mẹ được. Xét thấy, ông V và bà P đều có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con chung. Cháu P đang học ở trường H tại xã P, ông V sinh sống tại xã M cùng mẹ ruột, bà P sau khi ly hôn sẽ về sống tại xã B, cha mẹ của bà P hiện đã chết. Như vậy, nếu cháu P ở cùng ông V việc đi học của cháu sẽ thuận tiện hơn và sẽ có bà nội cháu hỗ trợ ông V trong việc chăm sóc cháu. Do đó, để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt học tập ổn định cho cháu P, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của ông V.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: ghi nhận việc bà P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng.

[4] Về tài sản chung: tại phiên tòa, bà P có yêu cầu chia tài sản chung. Xét thấy, bà P có yêu cầu chia tài sản chung sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử nên không được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Trường hợp có tranh chấp tài sản chung, ông V và bà P được quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định pháp luật

[5] Về nợ chung: ông V và bà P cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] Về án phí : căn cứ theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Ông V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng ; Bà P phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000đồng.

[7] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 200, Điều 204, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa ông Mai Trương Hoàng V và bà Lý Thị Kim P.

2. Về con chung: Con chung tên Mai Hồng N sinh ngày 26/5/2000 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Giao con chung tên Mai Hồng P sinh ngày 10/8/2010 cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án. Ông V và bà P được quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn nếu có tranh chấp.

4. Về nợ chung: ông V và bà P cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Ông V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002667 ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bà P phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- UBND xã M.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương